

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT TẠI XÃ CHIỀNG NGÀN, THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

Vũ Đức Toàn, Nu Ny Lun Nhạ Lạt, Phạm Hồng Sơn

Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Bài báo trình bày kết quả đánh giá thực trạng quản lý rác thải sinh hoạt tại xã Chiềng Ngàn. Dữ liệu đầu vào cho nghiên cứu này là số liệu thu thập từ phỏng vấn, quan sát thực địa. Kết quả cho thấy, nguồn gốc rác thải từ sinh hoạt của hộ gia đình, buôn bán dịch vụ, cơ quan trường học và sản xuất nông nghiệp. Tổng lượng rác thải ước tính 5.753 kg/ngày. Công tác thu gom và xử lý do Công ty Môi trường đô thị thực hiện chỉ áp dụng cho 8 bản. Tám bản còn lại, các hộ gia đình tự thu gom và xử lý theo phương pháp đốt, chôn lấp và vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

Từ khóa: xã Chiềng Ngàn, rác thải sinh hoạt, rác hữu cơ, rác vô cơ

I. Đặt vấn đề

Chiềng Ngàn nằm ở phía Đông Nam Thành phố Sơn La, cách trung tâm thành phố 8 km, có tổng diện tích đất tự nhiên là 4.584 héc ta. Năm 2011, dân số xã Chiềng Ngàn có 1.354 hộ với 6.044 nhân khẩu (Vũ Đức Thuận và Ctv, 2012). Năm 2018, số hộ đã tăng lên 1.798 hộ, 8.935 nhân khẩu, tốc độ gia tăng dân số bình quân 5,98%/năm (UBND xã Chiềng Ngàn, 2018). Do tốc độ gia tăng dân số lớn kết hợp với mức sống ngày càng cao, kinh doanh dịch vụ, chăn nuôi, trồng trọt của các hộ gia đình phát triển dẫn tới lượng rác thải sinh hoạt ngày càng nhiều, đòi hỏi công tác thu gom và vận chuyển rác thải phải thay đổi để đáp ứng được yêu cầu vệ sinh môi trường. Theo kết quả điều tra sơ bộ, tại khu vực xã Chiềng Ngàn, 8 trong tổng số 16 bản không có dịch vụ thu gom và xử lý rác tập trung. Các hộ tự thu gom và xử lý bằng phương pháp đốt, hoặc chôn lấp. Với các loại rác thải như túi nilon, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phương pháp xử lý này làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường, không tận dụng được các loại rác thải hữu cơ làm phân bón. Mặt khác, các bản được Công ty Môi trường đô thị Sơn La thu gom rác, có lượng rác thải khác nhau, các bản đông dân cư như bản Dữn, bản Ca Láp, tần suất thu gom cũng giống như các bản ít dân cư, điều này sẽ dẫn tới hàng ngày không thu gom hết, lượng rác tồn dư này sẽ gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, cần phải có nghiên cứu đánh giá được thực trạng rác thải phát sinh, công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rác thải sinh hoạt cho chính quyền địa phương và Công ty Môi trường đô thị Sơn La.

II. Phương pháp nghiên cứu

Ngày nhận bài: 11/12/2018. Ngày nhận đăng: 26/02/2019.

Liên lạc: Vũ Đức Toàn - mail: toansla@gmail.com

2.1. Phương pháp kế thừa tài liệu sơ cấp

Bài báo kế thừa các số liệu từ Công ty quản lý Môi trường đô thị, Cục Thống kê, Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ngần gồm:

- Số liệu về điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế, xã hội của xã Chiềng Ngần.
- Các báo cáo, số liệu liên quan đến công tác quản lý rác thải.

2.2. Phương pháp điều tra thực địa

a. Điều tra thực trạng xả thải

- Bài báo sử dụng phương pháp phỏng vấn bán định hướng, nhằm tìm hiểu loại rác, khối lượng và cách xử lý rác thải sinh hoạt của hộ gia đình. Chọn tiểu khu, bản phỏng vấn, phải đáp ứng được có đủ 3 nhóm hộ, sau khi khảo sát sơ bộ và tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân xã, chúng tôi chọn ba bản phỏng vấn, gồm bản Dữm, bản Pát, bản Nong La. Tổng số hộ phỏng vấn là 30 hộ (10 hộ chăn nuôi, 10 hộ buôn bán kinh doanh, 10 hộ sinh hoạt bình thường).
- Khối lượng được xác định bằng phương pháp cân rác: đối tượng điều tra là những hộ tham gia phỏng vấn, gồm 30 hộ gia đình. Mỗi ngày phát cho mỗi hộ 2 túi đựng rác, một túi đựng rác hữu cơ và một túi đựng rác vô cơ. Cân rác vào 1 giờ cố định buổi chiều mỗi ngày. Thời gian theo dõi 5 ngày.

b. Công tác thu gom và xử lý rác thải

Việc điều tra hoạt động thu gom và xử lý rác thải được điều tra ở toàn bộ 16 bản và tiểu khu. Sử dụng phương pháp phỏng vấn, đối tượng là các trưởng bản, kết hợp với điều tra trên tất cả các tuyến đường bản, để thu thập các số liệu sau: Lượng rác thải phát sinh; tình hình thu gom; khối lượng thu gom; tần suất thu gom; số lượng công nhân thu gom; những thuận lợi và khó khăn trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

Điều tra tần suất, phương tiện thu gom của công ty môi trường, từ kết quả phỏng vấn trưởng bản, xác định địa điểm tập kết rác thải, thời điểm vận chuyển rác, tiến hành quan sát trong 5 ngày.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

- Thực trạng xả thải, thu gom và xử lý rác thải: Trên cơ sở số liệu thu thập được, cùng với các số liệu khảo sát thực tế tiến hành phân tích, tổng hợp, xử lý nguồn số liệu, sau đó chọn lọc các số liệu cần thiết để làm cơ sở dữ liệu cho bài báo, phân tích và đánh giá hiện trạng về kinh tế, xã hội và công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại xã Chiềng Ngần.
- Định lượng lượng rác thải phát sinh trong ngày: Từ kết quả cân thực tế rác tại các hộ gia đình, trên cơ sở dữ liệu kế thừa về số lượng của mỗi nhóm hộ trong từng bản, tiểu khu, tính toán lượng rác thải trung bình của toàn xã/ngày.

III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm dân số, phân bố dân cư và thực trạng rác thải sinh hoạt xã Chiềng Ngần

Đặc điểm dân số và phân bố dân cư xã Chiềng Ngần, gồm có 16 bản và 1 tiểu khu, gồm 1.798 hộ, 8.935 nhân khẩu (UBND xã Chiềng Ngần, 2018) và chia thành hai khu vực có đặc điểm phân bố dân cư khác nhau:

* *Khu vực dịch vụ tập trung đông nhân khẩu*: gồm bản Dữn và bản Ca Láp, có mật độ dân số cao so với các bản còn lại của xã Chiềng Ngần. Bản Dữn có tổng số hộ là 162 hộ, số lượng nhân khẩu bình quân 4,5 người/hộ, nhưng do có sinh viên Trường Đại học Tây Bắc ở trọ dẫn đến số nhân khẩu tăng lên 2.133 người, bình quân 13 người/hộ. Diện tích đất bình quân theo người là 127 m²/người. Bản Ca Láp có đặc điểm tương tự như bản Dữn, có 3 trường học nằm trong ranh giới hành chính của bản, gồm các Trường Cao đẳng nghề Sơn La, Trường THPT Nội trú tỉnh Sơn La, Trường Trung cấp Nghệ thuật tỉnh Sơn La. Các trường này đều có ký túc xá nên các hộ không kinh doanh dịch vụ nhà trọ. Tổng số hộ của bản là 162 hộ, số nhân khẩu 553, bình quân 4 người/hộ. Đặc điểm chung của hai bản này là tập trung nhiều học sinh, sinh viên làm tăng mật độ dân cư, gia tăng các hộ tham gia dịch vụ, buôn bán, dẫn tới gia tăng lượng rác thải so với các bản chỉ sản xuất nông nghiệp.

* *Khu vực sản xuất nông nghiệp*: gồm 14 bản, tiểu khu, có các đặc điểm: Tiểu khu 1, bản Khoang, nằm ở vị trí cửa ngõ từ Thành phố Sơn La vào xã Chiềng Ngần. Khu vực này có rất nhiều trang trại, vườn rừng, nên diện tích đất bình quân trên nhân khẩu cao, bình quân 3.361 m²/người tại Tiểu khu 1, 6.775 m²/người tại bản Khoang. Ngoài ra, tại Tiểu khu 1 cũng nhiều hộ kinh doanh buôn bán (24/128 hộ). Các bản còn lại chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi. Số hộ mỗi bản biến động từ 20 – 204 hộ, bình quân nhân khẩu từ 4 – 5 người/hộ. Những bản ít hộ như bản Nậm Tròn (20 hộ), bản Noong La (88 hộ), đều là các bản mới tách, nhiều hộ gia đình trẻ. Các bản nhiều hộ là những bản thành lập từ lâu, có nhiều gia đình nhiều thế hệ cùng sinh sống trong một nhà. Các bản nhóm này đều có đặc điểm diện tích đất theo đầu người rất cao, biến động từ 1.978 – 8.452 m²/nhân khẩu. Lượng rác thải sinh hoạt ít hơn và chủ yếu được các hộ gia đình tự thu gom và tiêu hủy.

3.2. Hiện trạng xả thải rác thải sinh hoạt tại xã Chiềng Ngần

a. Nguồn gốc phát sinh rác thải sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt của xã Chiềng Ngần phát sinh từ nhiều nguồn và có đặc điểm khác nhau: Hộ gia đình thải nhiều rác thải hữu cơ dễ phân hủy như thực phẩm thừa, cành cây, cỏ, lá, hoa, quả, ngoài ra có một lượng là rác thải vô cơ như: túi nilon, chai, lọ...; cơ quan, trường học thải rác văn phòng gồm giấy vụn, vỏ hộp, đồ ăn thừa, chai, lọ,...; các hộ kinh doanh nhà hàng nhiều thức ăn thừa, vật tư phục vụ nấu nướng,...; các hộ sửa xe, rửa xe thải nhiều rác thải là phụ tùng cũ, dầu thải, bùn đất,...; hoạt động sản xuất nông nghiệp thải ra xác thực vật như thân cây ngô, rơm, phân và nước thải động vật, loại rác này được người dân tận dụng ủ phân bón, thân cây lương thực còn làm thức ăn cho trâu bò, không gây ô nhiễm môi trường. Hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng thải ra các loại chai, lọ thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, các loại túi nilon hoặc bao bì thuốc bảo vệ thực vật, loại rác này được người dân mang về xử lý như rác thải từ hoạt động thường ngày của gia đình.

b. Khối lượng rác thải sinh hoạt

Kết quả điều tra cho thấy lượng rác thải có sự khác nhau giữa các nhóm hộ. Lượng rác thải rắn sinh hoạt bình quân của nhóm hộ chăn nuôi là 3,2 kg/hộ/ngày, rác thải hữu cơ là 2,35 kg/hộ/ngày, rác thải vô cơ là 0,85 kg/hộ/ngày; nhóm hộ buôn bán dịch vụ thải bình quân 4,5 kg/hộ/ngày, trong đó rác thải hữu cơ 3,2 kg/hộ/ngày, rác thải vô cơ 1,3 kg/hộ/ngày; nhóm hộ sinh hoạt thường thải ra bình quân 2,33 kg/hộ/ngày, trong đó rác thải hữu cơ là 1,8 kg/hộ/ngày, rác thải vô cơ 0,55 kg/hộ/ngày. Từ kết quả định lượng lượng rác thải và số liệu về số lượng hộ theo từng nhóm hộ của từng bản có thể dự tính lượng rác thải theo từng bản (Bảng 1).

Bảng 1. Lượng phát sinh rác thải sinh hoạt hàng ngày theo bản

Tên Bản	Tổng số hộ	Hộ chăn nuôi	Hộ buôn bán	Hộ sinh hoạt	Rác thải hữu cơ	Rác thải vô cơ (kg)	Tổng lượng rác thải (kg)	Tỷ lệ %
Bản Dừm	162	22	125	15	479	189	668	11,61
Bản Khoang	82	68	5	9	192	69	261	4,54
Tiểu khu I	128	44	12	72	271	93	364	6,33
Bản Co Pục	111	64	13	34	253	90	343	5,97
Bản Híp	118	89	27	2	299	112	411	7,14
Bản Nong La	88	40	14	34	200	71	271	4,71
Bản Pát	204	140	13	51	462	164	626	10,89
Bản Púng	115	60	8	47	251	87	338	5,88
Bản Nậm Tròn	20	15		5	44	16	60	1,04
Bản Phường	103	44	6	53	218	74	292	5,08
Bản Nà Ngùa	69	51	4	14	158	56	214	3,72
Bản Ca Láp	162	59	61	42	409	153	562	9,77
Bản Kềm	66	26	10	30	147	52	199	3,45
Bản Ổ	117	105	7	5	278	101	379	6,59
Bản Muông	153	73	8	72	327	112	439	7,63
Bản Nà Lo	100	93	5	2	238	87	325	5,65
Tổng	1.798	993	318	487	4.228	1.525	5.753	100
Tỉ lệ (%)	100	55,23	17,69	27,09	73,49	36,06	100	

Tổng lượng rác thải cả xã ước tính thải ra là 5.753kg/ngày/1798 hộ, trong đó phần hữu cơ là 4.228kg chiếm 73,49% và vô cơ là 1.525kg chiếm 38,88%, lượng rác thải phát sinh bình quân theo bản mỗi ngày là từ 60kg đến 668kg, trong đó cao nhất là bản Dừm 668kg chiếm 11,61%, tiếp theo là bản Pát 626kg chiếm 10,89% và thấp nhất là bản Nậm Tròn 60kg chiếm 1,04% (Bảng 1). Quá trình điều tra cho thấy khối lượng rác thải phụ thuộc vào số lượng dân cư và đặc điểm sản xuất kinh doanh của hộ gia đình. Tổng lượng rác thải phát sinh cao ở nơi có số dân cư đông và điều kiện đời sống kinh tế của người dân cao, những khu vực nhiều hộ dân sinh hoạt bình thường thì lượng rác thải phát sinh chiếm tỉ lệ ít hơn.

3.3. Thực trạng công tác quản lí, thu gom, vận chuyển và xử lí rác thải sinh hoạt tại xã Chiềng Ngần

a. Công tác quản lí, thu gom vận chuyển rác thải

Mặc dù là một xã trực thuộc Thành phố Sơn La, tuy nhiên công tác thu gom và xử lý rác thải tập trung hiện vẫn chưa được thực hiện trên toàn bộ địa bàn xã, và chia thành hai khu vực là khu vực được Công ty Môi trường đô thị thu gom và khu vực người dân tự thu gom tại nhà (Bảng 2).

Bảng 2. Công tác thu gom rác thải xã Chiềng Ngần

Stt	Tên bản	Số hộ	Số nhân khẩu	Bản có đội tự quản, hợp tác xã tổ chức về môi trường	Bản được Công ty đô thị môi trường thu gom	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom hợp vệ sinh (%)	Tỷ lệ chất thải rắn không được thu gom (%)
1	Bản Dữn	162	2.133	✓	✓	98	2
2	Bản Khoang	82	369			50	50
3	Tiểu khu I	128	238		✓	95	5
4	Bản Co Pục	111	448		✓	82	18
5	Bản Híp	118	427		✓	86	14
6	Bản Nong La	88	354		✓	85	15
7	Bản Pát	204	898		✓	75	25
8	Bản Púng	115	562			55	45
9	Bản Nậm Tròn	20	93			50	50
10	Bản Phường	103	467		✓	70	30
11	Bản Nà Ngựa	69	327			65	35
12	Bản Ca Láp	162	553		✓	70	30
13	Bản Kềm	66	290			55	45
14	Bản Ổ	117	593			50	50
15	Bản Muông	153	718			55	45
16	Bản Nà Lò	100	465			45	55
Tổng số/bình quân		1.798	8.935	1	8	67,9%	32,1%

(Nguồn: Kết quả điều tra phỏng vấn cán bộ xã, bản)

Khu vực người dân tự thu gom: Gồm có 8 bản là bản Khoang, bản Púng, bản Nậm Tròn, bản Nà Ngựa, bản Kềm, bản Ổ, bản Muông và bản Nà Lò. Nhóm bản ở khu vực này các hộ gia đình tự thu gom, xử lý rác. Theo đánh giá của cán bộ xã, bản, tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được

thu gom hợp vệ sinh theo quy định (Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, 2016; UBND tỉnh Sơn La, 2017), chỉ đạt từ 45-55%. Khối lượng rác còn lại được thu gom và xử lý không đảm bảo vệ sinh, hoặc không được thu gom, vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Các bản này đều không có tổ dịch vụ thu gom và xử lý rác thải theo tiêu chí nông thôn mới (Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, 2011).



Hình 1. Người dân vứt rác thải sinh hoạt ra môi trường (xã Chiềng Ngần 27/09/2018)

Khu vực được Công ty đô thị môi trường thu gom: Gồm có 8 bản là bản Dữm, Tiểu Khu I, bản Co Pục, bản Híp, bản Nong La, bản Pát, bản Phường và bản Ca Láp, tỉ lệ chất thải rắn được thu gom trên tháng đã đạt được ở mức độ cao từ 70 – 98%. Kết quả đánh giá cao nhất là bản Dữm, công việc thu gom rác thải sinh hoạt được thực hiện hàng ngày, từ 16h – 18h, các công nhân sẽ đi thu gom rác trực tiếp tại các hộ gia đình. Các hộ gia đình dồn rác vào túi, buộc chặt chờ xe rác đến lấy. Các bản còn lại (Tiểu Khu I, bản Co Pục, bản Híp, bản Nong La, bản Pát, bản Phường và bản Ca Láp), công việc thu gom rác thực hiện không thường xuyên (không có thời gian thu rác nhất định). Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được đựng vào các thùng bao đựng rác rồi mang ra điểm tập kết rác (xe rác đẩy tay). Quá trình thu gom rác tại khu vực này được tổng hợp tại Bảng 3.

Bảng 3. Quá trình thu gom rác thải của Công ty Môi trường đô thị tại xã Chiềng Ngần

Stt	Tên tuyến	Thời gian thu gom rác trong ngày	Số nhân công trên các tuyến
1	Bản Dữm - Thành phố	16h00 - 18h00 hàng ngày	2 người
2	Dọc đường UBND xã - Tiểu khu 1 - Phiêng Pát	Không có thời gian thu gom cố định	Không có công nhân thu gom thường xuyên
3	Trại trẻ Mồ côi - Trường Nội trú - bản Phường	Không có thời gian thu gom cố định	Không có công nhân thu gom thường xuyên

Mặc dù các bản được thu gom nhưng tần suất thu gom không đều, có ngày có ngày không, đặc biệt là ở khu vực ngã ba bản Ca Láp, đây là khu vực có nhiều trường học và hộ buôn bán kinh doanh. Có ngày lượng rác thải nhiều, đổ tràn ra đường nhưng không có xe tới thu gom vận chuyển đi, dẫn đến rác thải hữu cơ như thức ăn thừa, vỏ hoa quả... bị phân hủy, có mùi hôi thối khó chịu, nhất là trong những ngày nắng nóng, làm mất mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường.

b. Công tác xử lý rác thải sinh hoạt tại xã

Toàn bộ rác thải sau khi thu gom bằng xe chuyên dụng, được vận chuyển luôn đến nhà máy xử lý rác của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sơn La đặt tại bản Pát xã Chiềng Ngần. Đây là nhà máy xử lý rác thải duy nhất của Thành phố Sơn La. Phương pháp xử lý rác bằng phương tiện hiện đại, có phân loại rác, các loại rác hữu cơ được ủ làm phân bón, bán ra thị trường. Rác thải vô cơ được xử lý bằng phương pháp chôn lấp, tỷ lệ rác thải tái chế tại nhà máy đạt 60%.

Đối với khu vực hộ gia đình tự thu gom thì xử lý tại chỗ bằng cách đốt, chôn lấp. Đối với rác thải hữu cơ phương pháp chôn lấp là phù hợp với điều kiện của người dân, ít ảnh hưởng tới môi trường, tuy nhiên đối với rác thải vô cơ khó phân hủy như túi bóng, chai, lọ khi chôn lấp sẽ cần một khoảng thời gian rất dài để phân hủy. Đối với những chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật phương pháp xử lý này tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Phương pháp đốt rác ít được áp dụng, thường chỉ đốt các loại rác từ thực vật như lá cây rơi rụng, hay phụ phẩm nông nghiệp. Một số gia đình thì có phân loại rác thải, với các loại rác vô cơ như giấy vụn, chai, lọ được tách ra để riêng sau đó được nhiều thì đem bán, việc này giúp giảm lượng rác thải ra môi trường và mang lại thu nhập. Một số hộ chăn nuôi thì sử dụng thức ăn thừa làm thức ăn cho vật nuôi, gia súc gia cầm. Những hoạt động có tác động tích cực tới môi trường này cần được tuyên truyền phổ biến nhân rộng. Ngoài ra cũng không ít hộ và cá nhân thiếu ý thức vứt rác bừa bãi ra đường, ao, hồ, mặc dù không nhiều nhưng gây ảnh hưởng rất lớn tới mỹ quan đô thị và gây ô nhiễm môi trường sống.

3.4. Đề xuất một số biện pháp quản lý rác thải sinh hoạt tại xã Chiềng Ngần

Từ kết quả nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, để tăng cường công tác quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã phải: Cần phải ký hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Thành phố Sơn La để mở rộng việc thu gom rác trên toàn bộ 16 bản; mỗi bản phải xây dựng hương ước cho công tác giữ gìn vệ sinh môi trường chung và thành lập một tổ đội giám sát việc thực hiện thu gom, xử lý rác thải của các hộ gia đình; tăng cường công tác tuyên truyền phân loại chất thải tại nguồn, tận dụng triệt để các loại rác thải có khả năng tái chế, tái sử dụng.

IV. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy, thực trạng xả thải, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Chiềng Ngần có sự khác nhau giữa các bản, tiểu khu và phụ thuộc nhiều vào đặc điểm phân bố dân cư và loại hình sản xuất kinh doanh. Những bản tập trung đông dân cư và nhiều hộ buôn bán thì lượng rác thải lớn hơn các bản sản xuất nông nghiệp thuần túy. Nguồn gốc phát sinh rác thải sinh hoạt của khu vực từ hộ gia đình, dịch vụ nhà hàng, cơ quan trường học và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tổng lượng rác thải cả xã ước tính 5.753kg/ngày, bình quân 0,643 kg/người/ngày. Công tác thu gom và xử lý rác thải tập trung chỉ được thực hiện ở 8 bản (Dủm, Tiểu Khu I, Nong La, Pát, Híp, Phường, Co Pục và Ca Láp), các bản còn lại (Khoang, Púng, Nậm Tròn, Nà Ngựa, Kềm, Ổ, Nà Muông và bản Nà Lò) hộ gia đình tự thu gom và xử lý rác bằng phương pháp đốt,

chôn lấp và vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Chưa có bản nào đảm bảo vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới, quy định tại Quyết định Số 1428/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2011), Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020;
- [2] Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2016), Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;
- [3] UBND tỉnh Sơn La (2017), Quyết định Số 1428/QĐ-UBND, ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 – 2020.
- [4] UBND xã Chiềng Ngần (2018), Báo cáo tổng kết kinh tế xã hội năm 2017.
- [5] Vũ Đức Thuận, Nguyễn Huy Tuấn, Phạm Hồng Tiến, Nguyễn Văn Việt, Nguyễn Văn Kiên (2012), Báo cáo khả thi Dự án trồng rừng sản xuất trên địa bàn xã Chiềng Ngần, Thành phố Sơn La, Chi cục Lâm nghiệp tỉnh Sơn La.

REALITY OF DOMESTIC WASTE MANAGEMENT IN CHIENG NGAN COMMUNE, SON LA CITY

Vu Duc Toan, Nu Ny Lun Nha lat, Pham Hong Son

Tay Bac University

Abstract: *The article presents the assessment results of household waste management in Chieng Ngan commune. Input data for this study are taken from interviews and field observations. The results show that domestic waste is disposed from household activities, trade service, school institutions and agricultural production. Waste collection and treatment by the Urban Environmental Company has been applied to only 8 villages, whereas in the other eight villages, the households collect and treat garbage on their own by burning, burying and littering, which pollutes the environment*

Keywords: *Chieng Ngan commune, household waste, organic waste, inorganic waste*